

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ ĐẢO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Lê Thị Kim Thoa

Khoa Địa lý-Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học QG thành phố Hồ Chí Minh
E-mail: thoale266@gmail.com

Ngày nhận bài: 10-6-2015

TÓM TẮT: Đảo đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc của biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường biển-đảo đang bị suy thoái và ô nhiễm. Do vậy, trong thời gian qua, nhà nước đã chú trọng xây dựng các chính sách để phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương ven biển và đảo cũng như hoạch định các chính sách quản lý tài nguyên môi trường biển và đảo. Mặc dù vậy, phát triển kinh tế đảo tại Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế và thiếu bền vững. Theo quan điểm cá nhân, kinh tế đảo cần được xem xét dựa trên những đặc điểm sinh thái và xã hội của chúng. Bài viết này tập trung nghiên cứu các vấn đề phát triển bền vững kinh tế đảo trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Cụ thể bài viết tập trung vào các nội dung sau: (1) Đặc điểm sinh thái và xã hội của đảo; (2) Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế đảo trong bối cảnh biến đổi khí hậu; (3) Thực trạng phát triển kinh tế đảo ở Việt Nam và (4) Đề xuất các nhóm giải pháp then chốt để phát triển bền vững kinh tế các đảo.

Từ khóa: Phát triển bền vững, đặc điểm sinh thái và xã hội của đảo, kinh tế đảo.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảo, quần đảo vốn được xem là nhóm hệ sinh thái đặc thù, chúng khác với các hệ sinh thái trên đất liền. Do vậy, phát triển kinh tế đảo cần được nhìn nhận một cách đúng đắn và có những chính sách phát triển phù hợp với đặc điểm sinh thái và xã hội của chúng. Về ý nghĩa kinh tế, đảo có thể được ví như “những thỏi bạc” trên nền biển xanh, về mặt chủ quyền, mỗi hòn đảo được xem như một “cột mốc chủ quyền tự nhiên” của quốc gia và dưới góc độ quốc phòng an ninh, đảo đóng vai trò như một “chiến hạm” không thể đánh chìm [1]. Một số đảo, quần đảo điển hình của Việt Nam như quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, đảo Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quốc, ... không chỉ có ý nghĩa trong phát triển không gian kinh tế - xã hội, kiểm soát các tuyến đường biển qua lại vùng Biển Đông mà còn có ý nghĩa phòng thủ

chiến lược quan trọng đối với đất nước. Hệ thống đảo, quần đảo Việt Nam đóng vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh của đất nước [1, 2].

Tuy nhiên, để phát triển bền vững kinh tế đảo trong không gian mở với nhiều nguồn lợi từ biển mang lại dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), chúng ta cần tiếp tục làm rõ nội hàm “kinh tế đảo” một cách đầy đủ. Trên cơ sở đó, đề ra giải pháp phát triển kinh tế đảo một cách bền vững. Theo quan điểm cá nhân, “kinh tế đảo” cần được xem xét dựa trên những đặc điểm sinh thái và xã hội của chúng bên cạnh yếu tố về vị trí địa lý.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM SINH THÁI VÀ XÃ HỘI CỦA MỘT ĐẢO

Đảo là phần đất được bao quanh hoàn toàn bởi nước, khi thủy triều lên chúng vẫn nằm trên

mặt nước [3]. Theo Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hiệp quốc (ECOSOC) [4], phần lớn hệ thống đảo, quần đảo Việt Nam thuộc loại rất nhỏ (diện tích dưới 10 km²), chỉ có 3 đảo được xếp loại nhỏ là Phú Quốc, Cát Bàu và Cát Bà. Ở Việt Nam, Lê Đức An [5] đã chia hệ thống các đảo Việt Nam thành 5 nhóm, trong đó đảo lớn là nhóm có diện tích trên 100 km², đảo trung bình có diện tích từ 10 - 100 km², đảo nhỏ có diện tích từ 1 - 10 km², đảo rất nhỏ có diện tích 0,01 - 0,1 km² và đảo cực nhỏ có diện tích dưới 0,001 km². Mặt khác, tùy vào mục đích sử dụng, “nhỏ” có thể được định nghĩa trên cơ sở diện tích đảo [6] hay dân số và GDP [7] hoặc cả hai yếu tố trên [8]. Khi bàn về nền kinh tế các quốc đảo đang phát triển, Kuznets [9] và Ganger [6] dùng dân số làm tiêu chí đánh giá nền kinh tế đảo là lớn hay nhỏ. Tuy nhiên, hầu hết các cuộc tranh luận đều thống nhất dùng tiêu chí thu nhập của người dân trên đảo làm thước đo cho nền kinh tế. Dù phân loại đảo theo tiêu chí nào, đặc điểm sinh thái và xã hội của các đảo nhỏ cũng có những nét đặc trưng thể hiện trong hình 1.

Tính xa xôi, hẻo lánh (Remoteness)	Tính chất biển (Oceanic)	Tính chất nhỏ (Small)
<p>1- Nổi bật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro khó lường. - Không thường xuyên. <p>2- Bất lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng mạnh của khoảng cách. - Chi phí vận chuyển, thông tin liên lạc cao. - Có khoảng cách lớn giữa đảo và đất liền trong việc tiếp cận thông tin kỹ thuật. 	<p>1- Nổi bật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai trình vận chuyển đường biển. - Cửa ngõ tiếp cận các nền văn hóa. - Nguồn tài nguyên biển khổng lồ. <p>2- Bất lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về thời tiết. - Sự trao đổi chất cao. - Quản lý rủi ro. 	<p>1- Nổi bật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dễ đi đến sự đồng thuận. - Nhỏ đồng nghĩa với phát thải bằng không. <p>2- Bất lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường dễ bị tổn thương. - Giá thành kinh tế tỷ lệ thuận với kích thước và lĩnh vực hoạt động. - Hạn chế trong phân công lao động. - Thị trường phân cách. - Giá thành kinh tế cao. - Hệ thống các giá trị truyền thống (dân tộc thiểu số, chiếm hữu đất đai, không quan tâm đến thế giới bên ngoài).
<p>Những đặc trưng khác</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Di sản thuộc địa. 2- Văn hóa pha tạp. 3- Di cư cao. 4- Đa dạng sinh học. 5- Mâu thuẫn giữa văn hóa du nhập và bản địa. 6- Cũng tồn tại các bộ phận hiện đại và vốn có. 7- Vùng ngoại vi và cửa ngõ. 8- Sự giàu có nguyên sơ để mất đi một cách nhanh chóng. 9- Bộ phận dịch vụ công cụ kỹ, lạc hậu. 10- Phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ từ bên ngoài và du lịch. 11- Khác. 		

Hình 1. Đặc điểm sinh thái và xã hội của đảo [10]

Xa xôi, hẻo lánh và nhỏ là hai đặc trưng dễ nhận ra của hầu hết các xã hội trên đảo. Do vậy, khi phát triển kinh tế đảo, chúng ta cần chú ý đến những thuận lợi và khó khăn của các

đảo. Tính đặc thù (insularity) của đảo là sự kết hợp tổng thể của 3 thành tố xa xôi, hẻo lánh; tính chất nhỏ và tính biển. Tính đặc thù này chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau: (1) kích thước đảo, (2) vị trí địa lý, (3) kinh tế, (4) chính sách/chính trị, (5) văn hóa - xã hội [7]. Đồng thời phải chú ý đến những khác biệt của các đảo đảo/cụm đảo nhìn từ ba thuộc tính: tính trội, tính đa dụng và tính liên kết [19]. Nói cách khác, muốn phát triển bền vững kinh tế đảo, chúng ta cần dựa trên tính đặc thù của từng hòn đảo trong mối quan hệ tổng thể với môi trường xung quanh.

Trong xu thế toàn cầu hóa cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học - công nghệ, kinh tế đảo không chỉ thể hiện qua các hoạt động nông - lâm - ngư nghiệp, khai thác và chế biến các tài nguyên vật chất, mà còn phụ thuộc vào sự nhạy bén của cộng đồng thông qua các hoạt động thương mại và môi giới. Trong đó, việc tiếp cận các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, thiết lập các mạng lưới liên kết giữa đảo với trung tâm, đầu mối kinh tế, hành lang ven biển, ... là chìa khóa giúp cho nền kinh tế đảo thay đổi nhanh chóng.

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẢO

Những khó khăn của các đảo nhỏ

Các hoạt động kinh tế trên đảo không đa dạng và mang tính đặc thù hơn các vùng kinh tế lớn khác bởi do dân số, các nguồn lực phát triển kinh tế và thị trường hạn chế. Với nguồn lực và thị trường nội tại hạn chế cùng với chi phí vận chuyển cao là rào cản lớn cho việc phát triển kinh tế đảo [11].

Không có nhiều sự lựa chọn cho phát triển kinh tế do thị trường nội tại nhỏ. Dưới áp lực về dân số hiện hữu trên diện tích đất đai trống rỗng có hạn, hầu hết nền kinh tế các quốc gia đảo nhỏ (theo phân loại trên thế giới) có xu thế phát triển hướng ra thị trường bên ngoài. Hướng phát triển kinh tế này có thể thấy ở các quốc đảo độc lập hay một số đảo lớn và trung bình ở Việt Nam (theo phân loại Việt Nam) như Phú Quốc, Cát Bà, Côn Đảo, ... Một đảo có tính chất nhỏ với nền kinh tế phát triển thường có hoạt động thương mại hướng ngoại tương đối lớn. Điều này không chỉ do nguồn sản

phẩm nội địa hạn chế mà còn vì đặc trưng “cửa ngõ” mà không phải vùng đất liền nào cũng có vị trí thuận lợi này [12]. Các đảo có nền kinh tế mở hay phụ thuộc vào thị trường bên ngoài có thể đo lường qua chỉ số GDP.

Nền kinh tế các quốc đảo nhỏ với nguồn tài nguyên và thị trường hạn chế nhưng thu nhập của người dân trên đảo cao hơn trên đất liền. Ví dụ, thu nhập người dân đảo Hawaii và Okinawa cao hơn thu nhập bình quân các quốc gia thuộc tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Một số đảo Việt Nam như Phú Quốc, Côn Đảo, Cát Bà, người dân trên đảo cũng có mức thu nhập bình quân cao hơn trên đất liền (so sánh theo cấp độ thành thị, nông thôn và cấp đơn vị hành chính). Kinh tế các đảo nhỏ phụ thuộc vào một vài sản phẩm chủ lực của địa phương phục vụ cho việc xuất khẩu, trong khi nhập khẩu nhiều mặt hàng thiết yếu. Tuy nhiên, những mặt hàng xuất khẩu này chủ yếu dựa vào đặc trưng về vị trí địa lý.

Hầu hết kinh tế các đảo nhỏ chịu sự thiếu hụt về tài chính thường xuyên trong cán cân thương mại. Phần lớn nguồn tài chính trên các đảo này có được từ sự gia tăng các dòng tiền gửi từ người thân, nguồn tiền từ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và thu nhập từ hoạt động du lịch. Chính nguồn tiền này làm giảm sự thiếu hụt về tài chính cho sự phát triển kinh tế đảo. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam, nguồn tài chính trên các đảo nhỏ phụ thuộc nhiều vào nguồn thu nhập từ các hoạt động du lịch, đánh bắt, nuôi trồng hải sản và kinh doanh buôn bán nhỏ.

Kinh tế trên các đảo nhỏ chịu ảnh hưởng mạnh bởi giá thành sản phẩm, giá thành đầu tư, tiêu thụ, vận chuyển, giáo dục và các dịch vụ hành chính. Giá thành càng cao nếu đảo nằm cách xa vùng cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

Chi phí vận chuyển được xem là rào cản lớn nhất trong phát triển kinh tế - xã hội trên đảo. Theo báo cáo của ECOSOC [13], giá thành vận chuyển cao không chỉ do vận hành với quy mô nhỏ mà còn do sự cung ứng không thường xuyên. Theo kết quả điều tra của bộ phận nghiên cứu và tư vấn toàn cầu CBRE [14] tại đảo Phú Quốc, giá thành vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm từ đất liền ra đảo và ngược

lại tăng thêm trung bình từ 20 đến 30%. Mức tăng thêm này tùy thuộc vào khoảng cách, khả năng kết nối, liên kết và tăng suất của các hoạt động giao thương giữa đảo và đất liền.

Nhiều nền kinh tế trên các đảo nhỏ trải qua quá trình bùng nổ dân số và đô thị hóa, hệ lụy kéo theo là sự gia tăng tình trạng thất nghiệp do áp lực dân số trên một diện tích giới hạn và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đảo quá nhanh so với sự phân bổ lực lượng lao động. Hiện tượng này có thể nhìn thấy ở một số đảo có nền kinh tế phát triển nhanh ở Việt Nam như Phú Quốc, Côn Đảo, ...

Do diện tích nhỏ, xa xôi, hẻo lánh và không gian mở, đảo có cấu trúc kinh tế đặc thù. Các bộ phận sản xuất hàng hóa như nông nghiệp, chế biến giảm đi, thay vào đó các bộ phận dịch vụ như du lịch, quản lý, lao động và dịch vụ thăm dò, khai thác tài nguyên đáy biển hình thành và gia tăng đáng kể.

Ngày nay, kinh tế đảo nhỏ là hệ thống kinh tế kép hay tổ hợp. Các ngành sản xuất hiện đại tồn tại song song với ngành sản xuất truyền thống (thực phẩm nông nghiệp thiết yếu, hoạt động xây dựng, mộc, thủ công mỹ nghệ, làng nghề truyền thống, ...).

Kinh tế đảo phụ thuộc nhiều vào các hoạt động của chính phủ như là nguồn thu nhập chính, việc làm và chính sách đầu tư phát triển.

Đảo là nơi chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi BĐKH, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan [15, 16], hiện tượng xói lở bờ biển và tẩy trắng san hô ảnh hưởng lớn đến nguồn tài nguyên của đảo như giảm sản lượng cá, giảm giá trị điểm đến của hoạt động du lịch, ... nước biển dâng làm xâm nhập mặn, sóng lớn, xói lở và các thảm họa khác diễn ra ở vùng ven biển.

Những thuận lợi của các đảo nhỏ

Bên cạnh những bất lợi, kinh tế các đảo nhỏ cũng có những thuận lợi sau:

Do chính sách thương mại hướng ngoại nên nền kinh tế đảo có tính linh hoạt hơn.

Vùng biển rộng lớn cung cấp nguồn tài nguyên biển khổng lồ và nguồn năng lượng tự nhiên phục vụ cho phát triển kinh tế.

Công nghiệp du lịch được xem là ngành kinh tế chủ lực của nhiều đảo trên thế giới. Tuy nhiên, hoạt động này vượt khỏi sự kiểm soát của nền kinh tế đảo. Như chúng ta biết, công nghiệp du lịch không chỉ phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của quốc gia mà còn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu đầu vào cho ngành như phương tiện giao thông, khách sạn, khuyến mãi bán hàng, sản phẩm thô, hàng lưu niệm, thực phẩm, ... Những chi phí này đã “rò rỉ” từ hoạt động kinh tế đảo. Ví dụ như quốc đảo Fiji, hơn 70% chi tiêu của du khách dùng cho việc nhập khẩu hàng hóa, xung công lợi nhuận và trả lương cho người nước ngoài. Theo số liệu khảo sát của CBRE [14], khoảng 30% chi tiêu của du khách ở các khách sạn 4 và 5 sao tại Phú Quốc dùng cho việc nhập khẩu thực phẩm và nước uống, 12% trong tổng doanh thu từ du khách nói trên dành cho chi phí điện sinh hoạt.

Một lĩnh vực tiềm năng cho phát triển kinh tế đảo là công nghiệp thông tin và truyền thông. Đây là ngành công nghiệp không dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, phương tiện vận chuyển và kỹ thuật nhiều như các ngành nông nghiệp và chế biến. Okinawa - đảo được sự ủng hộ của chính phủ Nhật Bản đã chú trọng phát triển kinh tế dựa vào thông tin và truyền thông. Tuy nhiên, ngành kinh tế này đòi hỏi lực lượng lao động có kỹ năng.

Kinh tế đảo có lợi thế so sánh trong hoạt động kinh tế môi trường như tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu họa môi trường. Đảo nhỏ có thể được dùng làm mô hình kiểu mẫu của một xã hội không phát thải. Tuy nhiên, phần lớn các đảo ở Việt Nam chưa chú trọng đến lợi thế so sánh này. Nghịch lý hơn là công tác bảo vệ môi trường nơi đây còn bỏ ngõ. Cù Lao Chàm là đảo sớm thực hiện công tác bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển và đã đạt những kết quả nhất định, có thể xem đây là một mô hình kiểu mẫu sơ khai của xã hội đảo Việt Nam hiện nay.

Nằm giữa vùng biển khơi, đảo đóng vai trò là cửa ngõ, trạm trung chuyển cho các hoạt động trao đổi hàng hóa trên biển, căn cứ hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt là phát triển kinh tế hàng hải.

THỰC TRẠNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẢO Ở VIỆT NAM

Tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế đảo Việt Nam

Đảo có diện tích giới hạn nằm giữa vùng biển khơi nên sẽ là nơi dễ dàng đón nhận các thảm họa thiên nhiên từ biển. Do vậy, mọi hoạt động trên đảo từ sinh hoạt đến sản xuất đều rất dễ bị tổn thương trước những tác động của BĐKH, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa to, sóng lớn, lốc xoáy, nhiệt độ cao, ... [17]. Tính dễ bị tổn thương này tăng thêm gấp bội khi năng lực thích ứng của người dân trên đảo thấp cũng như chi phí cho việc thích ứng, khắc phục các hậu quả của BĐKH khá cao so với các vùng đất khác trên đất liền.

Hậu quả của nước biển dâng khiến cho nhiều vùng đất thấp trên đảo bị ngập nước, làm giảm đi diện tích vốn đã hạn chế trên đảo, đe dọa đa dạng sinh học, đất, nước bị nhiễm mặn, dẫn đến nguồn nước ngọt vốn đã hạn chế trên các đảo ngày càng khan hiếm hơn. BĐKH còn làm gia tăng hiện tượng xói lở bờ biển, đe dọa các rạn san hô và thu hẹp diện tích bờ biển gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động du lịch vốn được xem là thế mạnh của kinh tế đảo Việt Nam [18]. Bão, mưa to, gió lốc thường đi kèm với sóng lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đi lại và sản xuất của người dân. Mọi hoạt động trên đảo hầu như bị tê liệt do tàu bè ngừng hoạt động, giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng mạnh do khan hiếm, gây thiệt hại không nhỏ cho nền kinh tế đảo, đặc biệt là hoạt động du lịch [19, 20]. Bên cạnh đó, BĐKH còn làm gia tăng nguy cơ bệnh tật. Theo báo cáo của Bộ Y tế Việt Nam [21], tác động của BĐKH kéo theo thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan đang đe dọa đến sức khỏe con người mà chưa có cách gì ngăn chặn, nhất là các bệnh dịch truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa và đường hô hấp như tiêu chảy, sốt xuất huyết, viêm não, ... Nguy cơ này xảy ra càng cao ở các đảo, nơi vốn đã nghèo nàn, thiếu thốn về mọi mặt như trạm y tế, hạ tầng giao thông, điện, nước sạch, ...

Bên cạnh những tác động của BĐKH đến các đảo vừa đề cập ở trên, áp lực về dân số tăng nhanh và quá trình đô thị hóa đã và đang làm gia tăng nhu cầu khai thác nguồn tài nguyên vốn dĩ rất hạn chế trên đảo. Điều này càng làm

cho kinh tế đảo dễ bị tổn thương hơn trước tác động của BĐKH.

Thực trạng khai thác và sử dụng các đảo hiện nay

Hiện cả nước có 10 huyện đảo ven bờ và 2 huyện đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa với tổng số dân trên đảo khoảng 240.000 người, mật độ dân số trung bình khoảng 95 người/km² (năm 2010). Tuy số lượng đảo của Việt Nam lớn, nhưng chỉ khoảng 200 đảo có thể phù hợp cho con người sinh sống và phát triển kinh tế [19, 20]. Số đảo còn lại có diện tích rất nhỏ và hầu như thiếu vắng các điều kiện thiết yếu để con người có thể sinh sống như nguồn nước ngọt, đất canh tác, ... Mặc dù vậy, sự tồn tại của chúng có ý nghĩa vô cùng to lớn trong quốc phòng an ninh, phân định vùng lãnh hải, đặc quyền kinh tế và chủ quyền quốc gia trên biển cũng như bảo vệ hệ sinh thái, môi trường vùng biển ven bờ. Ngoài ra, với nét hoang sơ, hình thù độc đáo sẽ là điểm hấp dẫn khách du lịch thập phương. Chẳng hạn như hòn Nhạn (quần đảo Thổ Chu, Kiên Giang) với diện tích rất nhỏ khoảng 15 m², là đảo đá, quanh năm không một bóng cây, chỉ có vài cây bụi mọc trên các mỏm đá trắng xóa với sự quy tụ đông đảo của các loài chim biển, nhưng sự hiện diện của đảo với vị trí trọng yếu là điểm chuẩn A1, không những có giá trị to lớn trong việc vạch đường cơ sở phân định vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia mà còn là nơi tham quan lý tưởng cho du khách.

Trong những năm gần đây, kinh tế một số đảo đã hình thành và phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn phù hợp với lợi thế của các đảo như du lịch, dịch vụ biển, khai thác và nuôi trồng hải sản. Một số đảo đã có bước tiến dài trong phát triển kinh tế như Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý. Việc hình thành các khu kinh tế đảo như khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc là một trong những thành tố quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế đảo phát triển một cách nhanh chóng. Do vậy, việc sớm thành lập thêm các khu kinh tế đảo như Côn Đảo, Phú Quý hòa cùng 2 khu kinh tế đảo hiện hữu và 12 khu kinh tế ven biển trong cả nước sẽ tạo ra hành lang kinh tế ven biển trải dài từ Bắc chí Nam, góp phần thúc đẩy lộ trình phát triển không gian kinh tế biển, thực hiện Chiến lược biển Việt

Nam đến năm 2020 một cách thành công. Thế mạnh của nền kinh tế đảo nước ta hiện nay là du lịch sinh thái gắn với nghề cá và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Các hoạt động khác được xem là những dịch vụ hỗ trợ cần phát triển nhưng không phải là “mũi nhọn” trong dài hạn [1]. Do vậy, các khu vui chơi giải trí kết hợp casino cần được nhìn nhận là dịch vụ mang tính hỗ trợ cho nền kinh tế đảo, chúng ta không nên phát triển tràn lan, làm mất đi tính đặc thù của đảo, phá vỡ những đặc trưng sinh thái và xã hội của đảo khiến cho kinh tế đảo không bền vững.

Thực tế cho thấy, kinh tế đảo Việt Nam cho đến nay chưa được quan tâm, đầu tư đúng tầm. Nhiều đảo có điều kiện phát triển nhưng chưa được đầu tư đúng mức và toàn diện [19, 21]. Kinh tế đảo phát triển một cách tự phát theo nhu cầu mưu sinh của người dân. Thực tế, người dân ra đảo định cư vì sinh kế, do đó thường có tâm lý khai thác những gì thiên nhiên ban tặng nên hiện tượng tài nguyên rừng trên đảo, sinh vật biển ven đảo bị khai thác quá mức, tình trạng rác thải gây ô nhiễm môi trường diễn ra khá phổ biến [19]. Hệ quả là sinh kế người dân sống ở các đảo bị ảnh hưởng nghiêm trọng, môi trường biển bị ô nhiễm, tài nguyên biển ngày càng cạn kiệt và một số loài sinh vật có xu hướng tuyệt chủng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là thiếu quy hoạch tổng thể cũng như các quy hoạch chi tiết về phát triển kinh tế - xã hội đảo. Một số đảo tiên tiêu chưa có dân sinh sống, chưa có chính sách khuyến khích thích đáng những người lao động ra sinh sống ở tuyến đảo. Đặc biệt, vẫn còn khoảng 2.800 đảo hoang sơ không đủ điều kiện con người ra sinh sống mà chỉ thích hợp với các loài sinh vật hoang dã vẫn chưa được khai thác, sử dụng và quản lý cụ thể, trong khi đây lại là đối tượng để phát triển các hoạt động kinh tế biển dựa vào bảo tồn [20]. Tình trạng thiếu vốn đầu tư, thiếu lao động, trình độ văn hoá, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nhiều đảo còn thấp kém, nhà trẻ, trường học, bệnh viện, nước ngọt, điện, phương tiện thông tin truyền hình, công cụ để sản xuất còn gặp nhiều khó khăn [19].

Bên cạnh đó, việc xây dựng mô hình quản lý kinh tế - xã hội đảo chưa được nhận thức một cách đầy đủ, phát triển kinh tế đảo trong thời gian qua còn mang nặng tư duy đất liền

[22, 23] và chưa chú trọng đến những đặc trưng sinh thái và xã hội của đảo. Ngoài ra, hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam trải dài qua nhiều vùng tự nhiên nên thể mạnh của từng vùng biển, từng hòn đảo là rất khác nhau. Do vậy, phát triển kinh tế đảo cần dựa vào tính đặc thù về vị trí địa lý, đặc điểm sinh thái và xã hội của từng hòn đảo để phát triển kinh tế đảo một cách thành công.

Như vậy, để phát triển bền vững kinh tế đảo, bên cạnh những vấn đề vừa đề cập ở trên, chúng ta cần thay đổi cách nhìn về biển, đảo đó là tư duy hội nhập và chinh phục thế giới [23]. Đây là một trong những đặc trưng văn hóa chính của nền kinh tế hướng biển. Có như vậy, kinh tế đảo nói riêng, kinh tế biển, đảo Việt Nam nói chung mới vươn lên một tầm cao mới. Chúng ta không chỉ dốc sức vào việc xây dựng hệ thống cảng biển, đóng thuyền to, tàu lớn hay xây dựng khu kinh tế đảo tràn lan mà cần mạnh dạn thay đổi cách nhìn về đảo trong công tác xây dựng và quản lý đảo.

ĐỀ XUẤT CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THEN CHỐT CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ ĐẢO

Phát triển kinh tế đảo được xem là một trong những bộ phận quan trọng của kinh tế biển nói chung và có ý nghĩa to lớn trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia trên biển. Do vậy, để phát triển bền vững kinh tế đảo, cần tiến hành các nhóm giải pháp then chốt sau:

Thứ nhất: Cần tiến hành điều tra, nghiên cứu khảo sát tính đặc thù về đặc điểm sinh thái và xã hội của từng đảo và cụm đảo trong hệ thống các đảo Việt Nam. Trên cơ sở đó, xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cho các huyện đảo hay một số đảo có tầm quan trọng đặc biệt. Do bản chất của kinh tế đảo vốn khác xa kinh tế đất liền, nên phát triển bền vững kinh tế đảo cần dựa trên những đặc thù, lợi thế vốn có của đảo. Tùy thuộc lợi thế vùng miền, mỗi cụm đảo và từng đảo riêng biệt, khi quy hoạch cần chú ý khai thác tính đặc thù, lợi thế so sánh của đảo.

Thứ hai: Tăng cường khả năng tiếp cận, kết nối giữa đảo và đất liền. Cụ thể bao gồm xây dựng và hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ

tầng kỹ thuật và xã hội phục vụ phát triển kinh tế đảo như đầu tư xây dựng hệ thống điện, nước sạch cho đảo; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng trên các đảo, hoàn thiện hệ thống đường ven biển, hệ thống cảng biển, đô thị ven biển, giao thông, liên lạc giữa đảo với các trung tâm kinh tế, hành lang ven biển, ... nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế đảo và người dân ra định cư.

Thứ ba: Bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, bổ sung nguồn lực phục vụ phát triển bền vững kinh tế đảo. Phát triển kinh tế đảo cần chú trọng khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường bao quanh đảo. Xây dựng các biện pháp ứng phó với BĐKH, giảm thiểu tối đa sự suy thoái tài nguyên biển và đảo, đa dạng sinh học biển và các hệ sinh thái biển. Đào tạo, chuẩn hóa nguồn nhân lực phù hợp với cơ cấu ngành nghề mới phục vụ phát triển bền vững kinh tế đảo.

Thứ tư: Thiết lập thể chế, cơ chế đặc thù trong phát triển kinh tế đảo. Mạnh dạn thiết lập cơ chế, chính sách đặc thù cho một số đảo có khả năng phát triển kinh tế nhanh nhằm phát huy quyền chủ động của các ngành, các cấp, các địa phương dưới sự quản lý của Trung ương. Do quan niệm của chúng ta cho rằng đảo là bộ phận thuộc vùng sâu, vùng xa, nên cơ chế, chính sách phát triển cũng bị bó hẹp trong phạm vi đó. Để vực dậy nền kinh tế đảo, cần có chính sách, cơ chế linh hoạt mở đường cho một số đảo có tiềm lực kinh tế đủ mạnh thoát khỏi “cái ao” bị bó hẹp để vươn ra biển lớn.

Thứ năm: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ về mở rộng không gian sinh tồn, tân dụng, cải thiện địa hình, hình thái đảo nhằm phục vụ cho công tác phát triển bền vững kinh tế đảo nói riêng và chiến lược vươn ra biển lớn, đảm bảo quốc phòng an ninh và chủ quyền toàn vẹn vùng biển của Tổ quốc.

KẾT LUẬN

Phát triển bền vững kinh tế đảo ngày nay không đơn thuần chỉ dựa vào nguồn lợi sẵn có trên các đảo, quần đảo mà chính là nguồn lợi to lớn từ vùng biển cả bao quanh những đảo này. Đáng chú ý là những lợi thế về vị thế, đặc biệt là vị trí địa lý của đảo hoặc cụm đảo.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, kinh tế đảo chưa được đầu tư đúng mức, việc quản lý, khai

thác tài nguyên biển đảo còn mạnh mún, thiếu đồng bộ và chưa có chủ trương chính sách toàn diện, tài nguyên đảo và biển chung quanh bị suy thoái, môi trường trên đảo và dưới biển bị ô nhiễm, BĐKH và nước biển dâng có ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống đảo nước ta. Điều này đã ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững kinh tế đảo.

Để phát triển bền vững và hiệu quả kinh tế đảo cần triển khai 5 nhóm giải pháp then chốt nhằm phát huy lợi thế so sánh vốn có của đảo. Cụ thể là: xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cho từng đảo dựa trên tính đặc thù vốn có của chúng; tăng cường khả năng tiếp cận, kết nối giữa đảo và đất liền; bảo vệ nguồn tài nguyên biển quanh đảo, bổ sung nguồn lực cho phát triển đảo; thiết lập thể chế, cơ chế đặc thù cho đảo; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về mở rộng không gian sinh tồn, tận dụng, cải thiện địa hình, hình thái đảo theo hướng bảo đảm tính bền vững của đảo.

Lời cảm ơn: Bài viết này được hoàn thành từ một phần kết quả nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số B2014-18b-02 tác giả xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chu Hồi, 2015. Đề khai thác hiệu quả và sử dụng hợp lý hệ thống đảo. Biên phòng online, <http://www.bienphong.com.vn/de-khai-thac-hieu-qua-va-su-dung-hop-ly-he-thong-dao/31259.bbp>, Truy cập ngày 14/5/2015.
2. Trương Minh Tuấn, 2015. Việt Nam với mục tiêu phát triển kinh tế biển, đảo bền vững trong “Thế kỷ của đại dương”. Tạp chí Tuyên giáo, Số 1. <http://www.tuyengiao.vn/Home/MagazineContent?ID=1672>, Truy cập ngày 10/5/2015.
3. Công ước Liên hiệp quốc về luật biển 1982. Điều 121. Bản tiếng Việt. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
4. United Nations Economic and Social Council - ECOSOC, 2004. Review of progress in the implementation of the programme of action for the sustainable development of small island developing state. [\[er/20040413111342_SG_report_en.pdf\]\(er/20040413111342_SG_report_en.pdf\), Truy cập ngày 10/4/2015.](http://www.sidsnet.org/docshare/oth-</div><div data-bbox=)

5. Lê Đức An, 2008. Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam - Tài nguyên và Phát triển. Nxb. KHTN&CN, Hà Nội. 199 tr.
6. Granger, O. E., 1994. Geography of small tropical islands: implications for sustainable development in a changing world. In Small Islands: Big Issues: United Nations Global Conference on the Sustainable Development of Small Island Developing Countries (Vol. 51, pp. 157-187). American Geophysical Union.
7. Lillis, K. M., 1993. Policy, Planning and Management of Education in Small States. UNESCO, Paris.
8. Kakazu, H., 1994. Sustainable development of small island economies. Westview Press, Inc.
9. Kuznets, S., 1965. Economic growth of small island Nations in Robinson ed., Economic Consequences of the Size of Nations, New York, AEA, p. 14- 32.
10. Kakazu, H., 2006. Networking Island Societies under Globalization: The Case of the Pacific Islands. The Journal of Island Studies, No. 6, p. 1-10.
11. Kindleberger C. P., 1968. International Economics, Illinois, Richard D. Irwin, p. 82.
12. Marshall A., 1972. Industry and Trade, London, Macmillan, P. 25 and G.M. Meier (1968), International Economics of Development, New York, Harper and Row.
13. United Nations Economic and Social Council-ECOSOC, 1999. Report of the Secretary-General on progress on the implementation of the Programme of Action for the Sustainable Development of Small Island Developing States. E/CN.17/1999/6, Report of the Secretary General, to the Commission on sustainable development. Seventh Section, 19-30 April.
14. Bộ phân nghiên cứu và tư vấn toàn cầu CBRE, 2014. Phú Quốc hành trình tìm bản sắc riêng, CBRE Việt Nam, <http://www.cbrevietnam.com/wpcontent/up>

- loads/2014/06/Vietnam_Special-Report-Phu-Quoc_June_2014_VN.pdf, Truy cập ngày 14/04/2015.
15. Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu - *Intergovernmental Panel on Climate Change-IPCC*, 2007. Assessment of adaptation practices, options, constraints and capacity. Climate Change 2007: Impacts, Adaptation and Vulnerability. Contribution of Working Group II to the Fourth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Cambridge University Press, Cambridge, UK, 717-743.
 16. Rapoport, J., Muteba, E., and Therattil, J. J., 1971. Small states and territories: Status and problems (Vol. 27). Arno Press.
 17. Woodroffe, C. D., 2008. Reef-island topography and the vulnerability of atolls to sea-level rise. *Global and Planetary Change*, 62(1): 77-96.
 18. Đức Nguyễn, 2014. Phát triển kinh tế hải đảo góp phần thực hiện Chiến lược biển Việt Nam, Tạp chí Công Sản, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Da-n-so-vung-bien-dao/2014/30794/Phat-trien-kinh-te-hai-dao-gop-phan-thuc-hien-Chien-luoc.aspx>, Truy cập ngày 20/4/2015.
 19. Bảo Minh, 2013. Đảo Phú Quý: Tận dụng tiềm năng, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bộ Tài nguyên và Môi trường, <http://www.dmhcc.gov.vn/tin-tuc/2250/Dao-Phu-Quy:-Tan-dung-tiem-nang,-ung-pho--voi-bien-doi-khi-hau.html>, Truy cập ngày 16/6/2015.
 20. Nguyễn Chu Hồi, 2015. Khai thác và sử dụng hiệu quả, hợp lý hệ thống đảo ở nước ta. Tạp chí Tuyên giáo, số 2/2015, Tr. 36-40. Hà Nội.
 21. Linh Nga, 2014. Biến đổi khí hậu đe dọa sức khỏe con người. Bộ Tài nguyên và Môi trường, <http://www.dmhcc.gov.vn/tin-tuc/2305/Bien-doi-khi-hau-de-doa-suc-khoe-con-nguoi.html>, Truy cập ngày 20/5/2015.
 22. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2014. Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Nxb. Văn hóa Thông tin, 110 tr.
 23. Giáp Văn Dương, 2012. Xây dựng Việt Nam trở thành cường quốc biển. Tạp chí Tia sáng, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=114&News=4828&CategoryID=7>, Truy cập ngày 12/05/2015.

SOME SOLUTIONS FOR THE SUSTAINABLE ECONOMIC DEVELOPMENT OF VIETNAMESE ISLANDS IN THE CONTEXT OF CLIMATE CHANGE

Le Thi Kim Thoa

University of Sciences and Humanities-VNU HoChiMinh city

ABSTRACT: *The islands play important roles in socio-economic development and security, defense of the country. However, these places are strongly affected by the impacts of climate change, island and marine environment and resources are degraded and polluted. As a result, the government has paid attention to policy making for socio-economic development in the coastal areas and islands as well as policy planning for environmental and resource management in the sea and islands. Despite these efforts, the island's economic development is still very low. From my point of view, island's economy need to be examined based on its ecological and social characteristics. This paper will concentrate on the study of the sustainable economic development in*

Lê Thị Kim Thoa

Vietnam's islands in the context of climate change. Especially, this study will focus on the following issues: (1) The island's characteristics in ecology and society; (2) The opportunities and obstacles for the island's economic development under climate change impacts; (3) The status of island's economic development in Vietnam; and (4) Proposing major solutions to strengthen the sustainable economic development of Vietnamese islands.

Keywords: *Sustainable development, island's characteristics in ecology and society, island's economy.*